

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO ĐỨC NHO GIÁO ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG HIỆN NAY

Trần Thị Tâm^{1*}

¹Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

* Email: tamtt@utt.edu.vn

Ngày nhận bài: 25/02/2022 Ngày nhận bài sửa sau phân biên: 21/03/2022 Ngày chấp nhận đăng: 25/03/2022

TÓM TẮT

Nho giáo sau khi được truyền bá vào Việt Nam đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của người Việt, đặc biệt là ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng. Sự ảnh hưởng đó thể hiện rất rõ trên nhiều phương diện như văn hóa gia đình, văn hóa làng xã cùng các phong tục tập quán... Bên cạnh những tác động tiêu cực như tư tưởng trọng nam khinh nữ, đề cao tính gia trưởng, phân chia phận vị hà khắc..., đạo đức Nho giáo cũng có vai trò quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng nông thôn mới. Vì thế, việc “gạn đục khơi trong” trong nghiên cứu sự hiện diện và ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đối với đời sống xã hội vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng sẽ có nhiều ý nghĩa; từ đó, có những đánh giá đúng đắn và có cách khai thác những giá trị quý báu; đồng thời đề xuất một số giải pháp khắc phục những mặt hạn chế của đạo đức Nho giáo để xây dựng đời sống văn hóa của người dân vùng nông thôn ngày càng tốt hơn.

Từ khóa: đạo đức Nho giáo, nông thôn đồng bằng sông Hồng, văn hóa gia đình, văn hóa làng xã

THE IMPACT OF CONFUCIAN ETHICS ON THE CULTURAL LIFE IN THE RED RIVER DELTA COUNTRYSIDE TODAY

ABSTRACT

Confucianism introduced into Vietnam has ingrained in the lives of Vietnamese people, especially in the rural areas of the Red River Delta. That influence manifests itself in many aspects such as family culture, village culture, customs and habits, etc. Not to mention the negative effects such as the idea of respecting men and disrespecting women, featuring patriarchal characteristic and strictly classifying status, Confucian ethics plays an important role in moral education, cultural family and new countryside construction. Therefore, research on the presence and influence of Confucian ethics on the social life of rural areas in the Red River Delta would be meaningful; through which we have precise assessments, ways to exploit the values and proposals of some solutions to overcome the limitations of Confucian ethics and better the cultural life of the rural people.

Keywords: Confucian ethics, family culture, Red River Delta countryside, village culture

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông thôn đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân cư đông nhất nước ta. Hiện nay, đời sống văn hóa xã hội ở vùng này đang có nhiều biến đổi do chịu sự tác động của nhiều nhân tố như toàn cầu hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường và văn hóa truyền thống. Đạo đức Nho giáo là một trong những yếu tố văn hóa truyền thống đang tác động đến đạo đức, văn hóa xã hội của người dân ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng trên cả hai bình diện tích cực và hạn chế. Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực như đề cao đạo đức, đặc biệt là đạo đức gia đình, tính tôn ti trật tự trong gia đình, giữ gìn văn hóa truyền thống..., vẫn tồn tại những ảnh hưởng tiêu cực như tư tưởng trọng nam khinh nữ, tư tưởng gia trưởng, cục bộ... Sự ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo được thể hiện rõ trên nhiều phương diện của đời sống xã hội ở vùng này với những mức độ sâu đậm khác nhau. Bởi vậy, nghiên cứu vấn đề ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đến đời sống văn hóa xã hội ở nông thôn đồng bằng sông Hồng có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn rất lớn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tác giả đã vận dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp, diễn dịch để phân tích, làm rõ một cách cô đọng, ngắn gọn, dễ hiểu nhất về đạo đức Nho giáo và đặc trưng, ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo ở Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả cũng sử dụng thêm các phương pháp khái quát hóa, trừu tượng hóa để nêu lên những ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện nay.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khái lược về đạo đức Nho giáo và Nho giáo ở Việt Nam

Nho giáo được ra đời trong bối cảnh xã hội Trung Quốc thời Xuân Thu - Chiến Quốc rối ren, loạn lạc, lễ nhạc suy vi, nên đặc biệt đề cao vai trò của đạo đức trong việc trị nước và giáo dục con người. Theo dòng thời gian, trải qua các thời kỳ khác nhau, tựu trung lại, Nho giáo đều đề cao vai trò của các chuẩn mực đạo đức: Tam cương, Ngũ thường, Chính

đanh và các mối quan hệ chính là Ngũ luân cùng các chuẩn mực đạo đức cụ thể cho từng mối quan hệ ấy là: “giữa cha con có tình thân ái, giữa vua tôi có nghĩa vụ, vợ chồng có phân biệt, anh em có thứ tự, bạn bè có chữ tín” (Chu Hy, 1999). Trong gia đình, Nho giáo xây dựng gia đạo dựa trên ba mối quan hệ chủ yếu là: cha - con, chồng - vợ, anh - em theo nguyên tắc Chính danh: “cha nên cha, con nên con, anh nên anh, em nên em, chồng nên chồng, vợ nên vợ, thế là gia đạo chính” (Vũ Khiêu, 1995). Các nhà Nho đặc biệt đề cao việc giáo dục phụ nữ theo các chuẩn mực thuộc “Tam tông, tứ đức”. Bên cạnh việc đề cao tính gia trưởng và trọng nam khinh nữ, đạo đức Nho giáo còn có vai trò lớn trong trị nước, củng cố tôn ti trật tự, nề nếp, phép tắc trong gia đình và xã hội, đồng thời giáo dục hoàn thiện đạo đức của mỗi cá nhân. Bởi vậy, Nho giáo được coi là hệ tư tưởng của nhà nước phong kiến.

Nho giáo được truyền vào Việt Nam từ rất sớm theo nhiều con đường khác nhau nên có ảnh hưởng sâu sắc đến xã hội nước ta. Trong thời Bắc thuộc và một nghìn năm phong kiến, giai cấp thống trị đã sử dụng Nho giáo làm công cụ để quản lý, xây dựng xã hội, xây dựng văn hóa gia đình và giáo dục đạo đức cho con người. Sự ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo được thể hiện rõ thông qua đường lối chính trị, pháp luật, giáo dục khoa cử, văn hóa gia đình, văn hóa làng, phong tục tập quán và suy nghĩ của người Việt.

3.2. Một số ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo ở nông thôn đồng bằng sông Hồng hiện nay

Ở đồng bằng sông Hồng, vùng nông thôn chiếm 75% diện tích và dân số. Là nơi tập trung sinh sống của các nhóm tộc người cổ nên vùng đất này được xem là một trong những cái nôi hình thành văn hoá cổ truyền Việt Nam (Vũ Khiêu, 1995). Nông thôn đồng bằng sông Hồng cũng là nơi đầu tiên chịu ảnh hưởng của Nho giáo khi nó được truyền vào nước ta; đồng thời, đó cũng là vùng lưu giữ nhiều giá trị đạo đức Nho giáo nhất hiện nay. Sự ảnh hưởng và hiện diện của đạo đức Nho giáo ở nông thôn đồng bằng sông Hồng được

thể hiện rõ nhất trong văn hóa gia đình, văn hóa làng xã và đặc biệt là tư tưởng gia trưởng về người phụ nữ.

Thứ nhất, ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo trong văn hóa gia đình

Các nhà Nho đặc biệt đề cao vai trò của gia đình. Trong sách *Đại học*, Mạnh Tử nói: “Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là gia đình, gốc của gia đình là bản thân” (Chu Hy, 1999). Vì gia đình là nền tảng của xã hội nên việc giáo dục đạo đức trong gia đình có vai trò quan trọng đối với việc xây dựng xã hội thái bình, thịnh trị. Đối với việc giáo dục đạo đức gia đình, các nhà Nho chủ trương xây dựng gia đình hòa thuận, sum vầy, mọi người biết quan tâm và có trách nhiệm với nhau. Dẫn giải về điều này, trong sách *Kinh Thi* viết: “Vợ con vui vầy, như đánh đàn sắt, đàn cầm. Anh em hòa thuận, vui vẻ mà hấp dẫn. Hòa thuận với mọi người trong nhà, vui với vợ con mà”; có như vậy thì Khổng Tử mới cho rằng: “Cha mẹ hài lòng lắm thay!” (Chu Hy, 1999). Gia đình Nho giáo có tôn ti, trật tự, ai có quyền lợi và bổn phận của người đó (cha - con, chồng - vợ, anh - em), để gia đình trở thành một phần tử cấu thành nên xã hội có tôn ti, trật tự theo chế độ gia trưởng (người trưởng nam là người đứng đầu gia đình, có trách nhiệm xây dựng, gìn giữ, phát triển gia đình lớn mạnh, gia giáo). Đây chính là quan điểm về gia đình của Nho giáo, có ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc nhất tới xã hội Việt Nam nói chung, nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ nói riêng.

Hiện nay, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và kinh tế thị trường đang tác động đến mọi nơi nhưng so với các vùng khác trên cả nước, nông thôn đồng bằng sông Hồng vẫn còn lưu giữ được phương thức sinh hoạt gia đình quần tụ, đó là việc con cái sau khi xây dựng gia đình riêng vẫn ở gần ông bà, cha mẹ; vậy nên, ở vùng này, việc ông bà tham gia việc dạy dỗ các cháu ở nông thôn chiếm tỉ lệ cao gấp 2 lần so với đô thị (41% với 21,5%) (Lê Thị Thanh Hương, 2009). Nội dung các giá trị đạo đức mà ông bà dạy bảo cho con cháu đều có nguồn gốc từ các chuẩn mực đạo đức của Nho giáo như hiếu

đễ, nhân nghĩa, thủy chung, trật tự trên dưới... Kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới năm 2012 trên địa bàn nông thôn của Hà Nội cho thấy: “tỉ lệ gia đình có hướng dẫn, giáo dục nội dung kính trọng, lễ phép với người lớn tuổi, biết ơn và hiếu thảo với cha mẹ chiếm tỉ lệ cao từ 99,5% đến 99,8%” (Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, 2012). Các nhà Nho yêu cầu cha mẹ phải “từ” với con cái, tức là cha mẹ phải thương yêu, dạy dỗ con cái. Vậy nên ở đây, ông bà, cha mẹ đều đề cao việc nuôi dưỡng, chăm sóc con cháu. Họ dạy bảo con cháu về ăn mặc, đạo đức, ứng xử và công việc hàng ngày. Từ đó, con cháu lắng nghe lời dạy bảo và tu dưỡng học hành để làm rạng danh gia đình.

Do chăm lo đến việc dạy dỗ con cái nên con cái được thụ hưởng các giá trị đạo đức tốt đẹp và luôn hiếu thuận với ông bà, cha mẹ. Trong cuốn *Ứng xử của người dân vùng đồng bằng sông Hồng trong gia đình*, khi điều tra ở khu vực nông thôn, nhóm nghiên cứu do Lê Thị Thanh Hương làm chủ nhiệm đã thu thập được rất nhiều tâm sự của người dân: “Ở quê em ít thấy gia đình nào con cháu bạc đãi ông bà, cha mẹ” (Lê Thị Thanh Hương, 2009). Người dân ở đây đều coi trọng trách nhiệm phụng dưỡng ông bà, cha mẹ; khi được hỏi về cách chăm sóc người già tốt nhất, trong tổng số 7 phương án trả lời, số người đồng ý với việc anh chị em thay nhau chăm sóc bố mẹ chiếm 35,9%, chỉ có 0,9% số người đồng ý với việc bố mẹ già nên ở riêng, thỉnh thoảng các con đến thăm. Như vậy, đa số mọi người ở đây đều đồng tình với việc con cái chăm sóc ông bà, bố mẹ thay vì đẩy toàn bộ trách nhiệm cho người con trai trưởng hoặc thuê người giúp việc. Ngoài ra, có 45,3% người lựa chọn mô hình sống chung với bố mẹ (gia đình mở rộng với ba thế hệ trở lên) trong tổng số 6 phương án trả lời. Điều đó có nghĩa là phần lớn người dân đều ý thức được trách nhiệm phụng dưỡng ông bà, bố mẹ nên họ mong muốn ở cùng để chăm sóc người già tốt hơn. Trong 4 phương án trả lời đánh giá sự hiếu thảo, quan tâm của con cái đối với ông bà, cha mẹ thì: 75,7% ông bà, cha mẹ cảm thấy hài lòng với tấm lòng hiếu thảo của con cháu và sự hài lòng của ông bà,

cha mẹ về con cháu ở nông thôn đều cao hơn thành phố, thị trấn. Có được điều này một phần là do sự ảnh hưởng đạo đức gia đình của Nho giáo đã thấm sâu vào trong đời sống gia đình của người ở khu vực này (Lê Thị Thanh Hương, 2009).

Nho giáo đặc biệt đề cao việc thờ cúng tổ tiên. Các nhà Nho đưa ra nguyên tắc quy định việc thờ cúng tổ tiên là lòng thành kính và sự chu đáo. Trong tế lễ phải quần áo chỉnh tề, tâm thanh tịnh để cúng vái: “Qui thần gia ơn, dòi dào thay! Nhìn không thấy được, nghe không nghe được, nhưng thể hiện ở muôn vật chẳng sót điều nào, khiến người trong thiên hạ phải thật lòng trai giới, quần áo chỉnh tề, để mà cúng vái” (Chu Hy, 1999). Thờ cúng tổ tiên được Nho giáo quan tâm nhiều ở phần tế lễ, vật lễ. Như Tuân Tử cho rằng: “Tang lễ là cách tỏ tình của người sống đối với người chết, làm cho sự chết thêm phần trang trọng, là suy từ lòng người sống mà tổng tâng người chết, không coi chết khác sống, không coi mất khác còn, cho sự chấm dứt với bắt đầu là một”. Cho nên ông nhấn mạnh: “Việc đặt ra cái tang ba năm là để tương xứng với nỗi đau thương cực độ. Mặc áo xô sờ gấu, chống gậy tre, ở lều, ăn cháo, nằm gai, gói đất là hình thức để tỏ lòng rất mực thương đau khi người thân mất... Mất cha mẹ buổi sáng, buổi chiều quên liền! Để mặc họ, thì về điểm đó, họ bằng cả loài cầm thú” (Nguyễn Hiến Lê & Giản Chi, 1994).

Như chúng ta đã biết, thờ cúng tổ tiên là phong tục tập quán lâu đời của người Việt, có từ trước khi Nho giáo được truyền vào Việt Nam. Nhưng khi vào Việt Nam, với quan điểm tuyệt đối đề cao thờ cúng tổ tiên và xây dựng các nghi lễ cụ thể thì Nho giáo lại có thêm vai trò củng cố, điển chế hóa tín ngưỡng này trở thành một trong những phong tục, đạo lý quan trọng nhất của văn hóa người Việt, khiến việc thờ cúng tổ tiên càng ăn sâu hơn vào trong văn hóa gia đình của người dân.

Theo số liệu thống kê ở địa bàn 5 tỉnh, thành phố, trong đó có thủ đô Hà Nội, thì 100% các gia đình ở cả thành phố và nông thôn đều có bàn thờ tổ tiên (Ngô Đức Thịnh,

2001). Đồng thời, người dân ở nơi đây rất thành kính, tôn nghiêm trong việc tế lễ tổ tiên trong gia đình và dòng họ. Trong ngày giỗ họ, con cháu thể hiện lòng hiếu kính tổ tiên và nghe những lời khuyên răn của ông cha. Ở vùng Bắc Bộ, hầu như dòng họ nào cũng có nhà thờ tổ, lễ giỗ tổ, hội khuyến học nhằm khích lệ việc học tập của con cháu. Trong ngày giỗ tổ, con cháu ở các nơi quay về sum họp để báo hiếu. Các bậc cao niên hoặc người có vai vế trong họ sẽ tổng kết các thành tựu của con cháu, đồng thời tiến hành trao phần thưởng khuyến học, đưa ra nhiệm vụ mới để con cháu tu dưỡng và phấn đấu. Có những dòng họ nổi tiếng với sự thành đạt của con cháu như dòng họ Ngô Nguyễn tại xã Phù Khê, huyện Từ Sơn (Bắc Ninh), dòng họ Trần tại xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu (Nam Định), dòng họ Nguyễn Ngọc tại làng Đại Quan, xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu (Hưng Yên) .v.v... Ví dụ, vào ngày mùng 6 tháng 1 âm lịch hàng năm là ngày giỗ tổ của dòng họ Nguyễn Ngọc (làng Đại Quan), bên cạnh việc thực hiện các nghi lễ hiếu kính tổ tiên thì dòng họ Nguyễn Ngọc còn tổ chức trao phần thưởng cho con em đạt thành tích cao trong học tập. Theo lời của cụ Nguyễn Ngọc Oanh là trưởng họ: “*Đây là ngày lễ thiêng liêng của gia tộc, để chúng tôi báo cáo với ông bà, tổ tiên tình hình của con cháu trong họ, và hơn cả là nhắc nhở con cháu uống nước nhớ nguồn, chăm lo học tập, phấn đấu xây dựng dòng tộc*” (Quỳnh Anh, 2012). Qua đây, chúng ta thấy đạo đức gia đình của Nho giáo đã tác động mạnh đến sự hình thành văn hóa gia đình ở khu vực này.

Nhà nghiên cứu Vũ Tự Lập và các cộng sự khi nghiên cứu về *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng* cũng cho rằng: “Tổ tiên không phải là một cái gì đó thuộc về quá khứ. Tổ tiên luôn tồn tại bên cạnh con cháu, phân xét, hướng dẫn và giúp đỡ chúng. Biết đem quá khứ đặt ngay vào trong hiện tại, biến sức mạnh quá khứ thành một bộ phận sức mạnh của hiện tại, biết đưa truyền thống tổ tiên về xây dựng cuộc sống đương đại cùng với con cháu, chính là điểm rất tích cực và rất độc đáo trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cư dân đồng bằng sông Hồng”. Việc thờ cúng tổ tiên

chứa đựng rất nhiều ý nghĩa: thể hiện sự hiếu thuận của con cháu, tìm về cội nguồn, mong tổ tiên ở thế giới bên kia phù hộ cho con cháu dương thế. Thờ cúng tổ tiên còn là phương thức giữ gìn truyền thống, là cách trao truyền văn hóa, giáo dục đạo làm người cho các thế hệ sau.

Nhiều gia đình, dòng họ ở nơi đây có các bản *Gia huấn* khuyên răn con cháu phải hiếu thảo, hòa thuận, giúp đỡ lẫn nhau, đồng thời không ngừng tu dưỡng học tập để làm rạng danh cho gia đình, dòng họ đúng như tư tưởng “vinh thân phù gia” của Nho giáo. Hiện nay, một số gia đình dòng họ đã xây dựng các văn bản mang tính chất gia huấn, gia phạm, gia quy dựa trên những chuẩn mực của Nho giáo. Ví dụ, quy phạm họ Doãn tại làng Hoành Nhị, huyện Giao Thủy (Nam Định) ghi rõ:

“Cùng xây dựng từ đường lịch sử
Tổ tiên ta muôn sự vinh hoa
Góp công xây dựng nước ta,
Đức tài, văn võ Doãn nhà gia phong.
Góp công sức, tấm lòng vì tổ
Đề cháu con trong họ gần nhau...”

Một trong những ảnh hưởng rõ nhất của đạo đức Nho giáo đến văn hóa gia đình ở nông thôn đồng bằng sông Hồng là so với các khu vực khác thì khu vực này còn nặng nề về tư tưởng sinh con trai để nối dõi tông đường. Bàn về vấn đề này ở gia đình đồng bằng Bắc Bộ, nhà nghiên cứu Mai Huy Bích đã nhận xét: “Đối với người đàn ông, hôn nhân đánh dấu sự gia nhập địa vị người lớn nhưng chưa hoàn toàn trọn vẹn; chỉ khi sinh con trai, anh ta mới hoàn thành nghĩa vụ, địa vị anh ta mới trở nên trọn vẹn”. Bên cạnh đó, đối với người vợ thì “khi sinh con trai, họ đã tiến một bước dài từ địa vị “người ngoài”, hòa nhập hoàn toàn với gia đình, được an toàn trong gia đình nhà chồng, vì đã tạo ra được “phương tiện” tiếp nối gia đình. Nếu không có con trai, họ phải một mình chịu hoàn toàn trách nhiệm, số phận trở nên bấp bênh, bất kể họ thực hiện tốt các vai trò khác trong gia đình chồng như thế nào” Điều tra tại xã Quyết Tiến, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, khi hỏi người dân về vấn đề chưa

sinh được con trai: “số phụ nữ cảm thấy băn khoăn, xấu hổ, lo ngại chiếm 65%, cao hơn hẳn số nam giới có thái độ này” (Mai Huy Bích, 1989). Thậm chí, có nơi ngoại thành của Hà Nội như ở xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất và ở làng Vân Côn, huyện Hoài Đức, những người vợ cả không có con trai còn chấp nhận “bé con chồng hơn bằng cháu họ” - nghĩa là thà lấy vợ lẽ để sinh con cho chồng còn hơn nhận cháu họ làm con nuôi (Nguyễn Duy Hiệp, 2013). Qua đây, chúng ta thấy tư tưởng trọng nam khinh nữ, tư tưởng phải có con trai đã ăn sâu vào trong các gia đình.

Chính vì chịu ảnh hưởng của tâm lý “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, “trọng nam khinh nữ” nên đồng bằng sông Hồng vừa là khu vực có dân số đông nhất vừa là nơi có tỉ lệ mất cân bằng giới tính cao nhất cả nước. Đặc biệt, trong những năm gần đây, tình trạng này ngày càng tăng cao, từ 115,3 trẻ trai/100 trẻ gái (năm 2009) tăng lên 118 trẻ trai/100 trẻ gái (năm 2014). Đồng bằng sông Hồng có 6/10 tỉnh có tỉ lệ mất cân bằng giới tính cao nhất cả nước đó là Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Phòng, Vĩnh Phúc. Trong đó: Hưng Yên có tỉ lệ 130,7 trẻ trai/100 trẻ gái, Hải Dương có tỉ lệ 120,2 trẻ trai/100 trẻ gái, Bắc Ninh có tỉ lệ 119,4 trẻ trai/100 trẻ gái. Đồng thời, so với các nơi khác, nông thôn đồng bằng sông Hồng cũng là vùng có tỉ lệ phụ nữ mong muốn sinh con trai cao nhất cả nước, chiếm 38% (Liên Châu, 2017).

Mặc dù thường xuyên được tuyên truyền kế hoạch hóa gia đình, nhưng do bị ảnh hưởng bởi tâm lý cần có con trai cùng sự can thiệp của y học hiện đại nên các cặp vợ chồng đã lựa chọn giới tính của con trước khi sinh. Ở nơi đây, tình trạng sinh con thứ ba, thứ tư cũng tương đối cao, đặc biệt là ở các gia đình trước đó chỉ sinh con một bề là gái. Theo điều tra vào giữa năm 2018, nông thôn đồng bằng sông Hồng là khu vực có tỉ lệ nạo phá thai cao nhất cả nước (33,2%). Từ những kết quả thu được, chúng ta thấy tư tưởng trọng nam khinh nữ của Nho giáo đã ăn sâu vào tâm lý người dân nơi đây. Đó cũng là một trong những nhân tố cơ bản ảnh hưởng tiêu cực đến

công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, đến sức khỏe của người mẹ và chất lượng nuôi dưỡng giáo dục trẻ em.

Trong việc phân chia tài sản, nhiều gia đình thường ưu tiên cho con trai, cháu trai, đặc biệt là cháu đích tôn. Do bị ảnh hưởng bởi tư tưởng “con gái là con người ta” nên nhiều gia đình chỉ cho con gái một chút vốn trước khi đi lấy chồng, được chia đất ruộng theo tiêu chuẩn của nhà nước, còn đất thổ cư của tổ tiên và tài sản có giá trị thì con trai, đặc biệt, con trai trưởng sẽ là người được hưởng phần lớn. Trong mối quan hệ với các cháu, đa số khẳng định “cháu đích tôn được ông bà quý hơn các cháu khác”. Theo kết quả điều tra ở ba khu vực thuộc đồng bằng sông Hồng “về việc cháu đích tôn được ông bà quý hơn các cháu khác thì thu được kết quả nông thôn 40,7%, thị trấn 37,9%, thành phố 28,1%; về việc cháu nội được ông bà quý hơn cháu ngoại thì nông thôn 32,2%, thị trấn 29,8%, thành phố 13,5%” (Lê Thị Thanh Hương, 2009). Thậm chí, ở nhiều làng nghề truyền thống như làng nghề làm trống Đọi Tam thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, một số gia đình không truyền nghề cho con gái mà chỉ truyền cho con trai và con dâu vì sợ con gái đi lấy chồng lại truyền bí quyết cho nhà chồng.

Như vậy, văn hóa gia đình ở nông thôn đồng bằng sông Hồng vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng gia trưởng, trọng nam khinh nữ của Nho giáo. Nguyên nhân do tư tưởng này đã ăn sâu vào trong lối sống của người dân vùng nông thôn; đồng thời, đời sống kinh tế của các gia đình phần lớn dựa vào nền nông nghiệp truyền thống trong đó hiệu quả của việc sản xuất này lại coi trọng thể lực, sức khỏe và kinh nghiệm của người sản xuất. Chính vì vậy, nam giới và người già, những người có kinh nghiệm sản xuất thường được coi trọng. Ở các gia đình, người cha và người chồng có vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo công việc để cả gia đình nghe theo.

Thứ hai, ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo trong văn hóa làng xã

Làng xã là đơn vị hành chính bao gồm nhiều dòng họ cùng sinh sống nhưng theo

lịch sử hình thành và phát triển thì mỗi làng thường có một hoặc hai dòng họ quan trọng chiếm phần lớn diện tích và dân cư. Với phương thức sản xuất thủ công truyền thống, việc sản xuất cần tập trung nhiều sức người nên người dân ở đây coi trọng tình thân máu mủ và có sự gắn kết chặt chẽ mối quan hệ giữa gia đình - dòng họ và làng xã. Trong sinh hoạt truyền thống, gia đình - dòng họ - làng xã tuy có sự khác nhau về quy mô nhưng lại có rất nhiều sự tương đồng về cách tổ chức bởi gia đình có gia huấn, dòng họ có tộc ước, làng xã có hương ước. Tất cả đều nhằm giáo dục đạo đức con người tuân theo những chuẩn mực đạo đức truyền thống và một số phong tục đặc thù.

Trong tác phẩm *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*, tác giả Vũ Duy Mền đã nghiên cứu rất nhiều nội dung của các bản hương ước ở đây và đưa ra kết luận “đạo lý Nho gia đã ảnh hưởng sâu sắc đến nội dung của hương ước làng xã Việt Nam” (Vũ Duy Mền, 2010) như đề cao hiếu đễ (trong gia đình) và vị thứ (chỗ ngồi của người tham dự việc làng ở đình trung, đảm bảo trật tự quân chủ). Điều này thể hiện rõ trong nhiều bản hương ước ở Mộ Trạch (Bình Giang, Hải Dương), Kim Đồi (Quê Võ, Bắc Ninh)... Hiện nay, mặc dù tư tưởng vị thứ, gia trưởng ở nông thôn đồng bằng sông Hồng đã giảm đi so với trước đây nhưng rõ ràng nó vẫn còn có ảnh hưởng. Ví dụ như việc cúng, tế lễ ở ngoài đình làng phần lớn vẫn do những cao niên, nam giới trong làng đảm nhiệm. Đặc biệt, người trông coi đình làng thường phải là đàn ông tuổi cao niên, có đạo đức tốt, gia đình hòa thuận và được người dân trong làng tin tưởng, kính trọng giao nhiệm vụ “làm việc Thánh”.

Mặc dù quá trình đô thị hóa đã làm thay đổi nhiều đời sống sinh hoạt của người dân ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng nhưng nhìn chung, trong làng xã vẫn có tư tưởng coi trọng con đẻ, con trai, người dân gốc nên con nuôi, con rể, dân ngụ cư (người nơi khác đến nhập cư) vẫn không được coi trọng để bàn việc gia đình, bàn việc làng. Văn hóa này khá phổ biến trong các làng ở xứ Đoài (thuộc tỉnh

Hà Tây cũ). Mặc dù theo đơn vị hành chính, tỉnh Hà Tây đã sát nhập vào thủ đô Hà Nội, xã đổi thành phường, làng đổi thành tổ dân phố nhưng nét sinh hoạt trên vẫn lưu giữ ở nhiều nơi như thôn Quang Lâm (Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội).

Các làng Bắc Bộ vẫn lưu giữ được tục “lên lão” để tôn vinh những người tròn 55 tuổi, 60 tuổi hoặc 70 tuổi (tùy theo từng làng có mức tuổi quy định khác nhau). Sau Tết Nguyên đán, người dân sắm lễ để ra đình dự lễ tế thánh và “lên lão”, tôn vinh các bậc cao niên như ở làng Thanh Khê (Đồn Xá, Bình Lục, Hà Nam), làng Diệc (Hung Hà, Thái Bình)... Đó là nét đẹp của làng, qua đó thắt chặt hơn mối quan hệ tình làng nghĩa xóm, là dịp để con, cháu, những người thân trở về sum họp.

Cùng với hương ước cổ, nhiều làng nông thôn hiện nay đã xây dựng hương ước mới để phù hợp với giá trị mới của xã hội. Rất nhiều làng xã ở Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh, ven ngoại thành Hà Nội... đã xây dựng những bản hương ước mới với những quy định nội dung phù hợp với mục tiêu xây dựng gia đình văn hóa, nông thôn mới... Đặc điểm chung của các bản hương ước mới là kế thừa những giá trị hợp lý của hương ước cổ và đặc biệt là kế thừa những giá trị đạo đức của Nho giáo như trong gia đình phải “cha tử con hiếu”, “vợ chồng chung thủy, hòa thuận”, “gia đình nền nếp, gia phong, tôn ti trật tự”, làng xóm tình thân, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau...

Sự ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đến văn hóa làng ở nông thôn đồng bằng sông Hồng còn được thể hiện rõ thông qua nội dung chữ viết trên cổng làng. Đối với người dân nông thôn, cổng làng có một giá trị thiêng liêng, gắn bó, là hình ảnh bảo vệ làng, là nơi ghi rõ những chuẩn mực đạo đức, những tôn chỉ mà người trong làng đều phải biết và học tập theo; ví dụ như cổng làng Thổ Hà (Bắc Giang), cổng làng Nôm (Hưng Yên), cổng làng Ước Lễ (Hà Nội) và rất nhiều các cổng làng khác trên khắp vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng. Mặt trước cổng làng

Ước Lễ đắp nổi ba chữ Ước Lễ Môn (cổng làng Ước Lễ). Ước Lễ không chỉ là tên làng mà còn là triết lý Nho giáo được dân làng tiếp nhận. Ước, Lễ là chữ dùng xuất phát từ lời của Khổng Tử: “Bác học dĩ văn, ước chi dĩ lễ” - ý nói muốn học rộng thì phải dựa vào văn (tức văn hóa), học đã rộng rồi thì phải chế định (Ước) bằng Lễ, ấy là điều cần thiết của người học rộng. Lấy Ước Lễ đặt tên làng thể hiện quan niệm trong cuộc sống phải luôn luôn giữ lễ. Ngày nay, kinh tế được nâng cao, người dân nông thôn Bắc Bộ cùng nhau tôn tạo và xây mới cổng làng mình. Đặc điểm chung của các cổng làng hiện nay đó là thường khắc các câu đối theo các chuẩn mực của đạo đức Nho giáo như “Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín”, nhằm răn dạy người dân địa phương. Đây là một trong những sự hiện diện tích cực của Nho giáo ở đời sống người dân nông thôn hiện nay.

Nho giáo coi trọng huyết thống, coi trọng người thân trong gia đình dòng họ và đưa ra chuẩn mực người thân phải yêu thương, giúp nhau “vinh thân phù gia”. Theo Khổng Tử, người quân tử phải: “(Đối với những người thân thuộc) ban cho địa vị cao, bổng lộc trọng hậu, và cùng chung những điều yêu thích hoặc ghét bỏ (của những người đó) là để khuyến khích việc thương yêu người thân vậy”. Mạnh Tử cũng đặc biệt đề cao tư tưởng thân tộc khi ông quy việc xa rời người thân là tội lớn nhất của con người: “Tội lớn nhất của người ta là bỏ hết người thân thích, nghĩa vua tôi, trên dưới” (Chu Hy, 1999). Bên cạnh mặt tích cực thì Nho giáo cũng mang lại nhiều hạn chế khi những quan hệ trên bị chi phối bởi sự cực đoan về huyết thống, sự tranh giành về lợi ích kinh tế, về địa vị chính trị xã hội, từ đó hình thành chủ nghĩa gia đình, bao che tội lỗi cho nhau, đặt “tình nhà” cao hơn “phép nước”, cất nhắc người thân quen mà xem nhẹ người tài. Khi học trò Đào Ứng hỏi về việc bỏ vua Thuần mắc tội giết người, Cao Dao là quan đại thần phải xử lý thế nào thì Mạnh Tử trả lời: Cao Dao cứ bắt bỏ mình, nhưng khi bắt xong thì vua Thuần sẽ đưa bỏ đi trốn. “Ông Thuần sẽ coi việc bỏ roi thiên hạ như thể vứt bỏ chiếc dép nát, lén cõng cha

đi trốn, noi theo chỗ bờ biển mà cư ngụ, suốt đời vui vẻ, quên hẳn chuyện thiên hạ” (Chu Hy, 1999).

Chính chủ nghĩa gia đình với việc đặt tình thân tộc, huyết thống lên trên tất cả đã dẫn đến tình trạng kéo bè kéo cánh, lợi ích nhóm trong lối sống làng. Làng ở đồng bằng Bắc Bộ thường là nơi tập trung sinh sống của vài dòng họ khác nhau như Lê, Nguyễn, Trần, Phạm... Hiện nay, hiện tượng kéo bè kéo cánh vẫn còn tồn tại ở đây. Đó là việc bầu trưởng thôn hoặc người trông coi đình làng thường sẽ là người đại diện của dòng họ nào mạnh, đông dân cư sinh sống. Thậm chí, chủ nghĩa gia đình, hiện tượng kéo bè kéo cánh, “một người làm quan cả họ được nhờ”, “con ông cháu cha” còn tồn tại khá phổ biến ở các cơ quan nhà nước trong vùng như huyện Mỹ Đức (Hà Nội): “với một huyện có số dân khoảng hơn 180.000 người, nếu tính dòng họ chắc phải đến hàng chục, thậm chí hàng trăm. Vậy mà các chức danh lãnh đạo chủ chốt các phòng ban của huyện lại nằm trong tay người nhà họ Lê của bí thư huyện ủy đương nhiệm” (Nguyễn Duy Xuân, 2015). Hay như huyện Kim Thành (Hải Dương), các chức vụ từ bí thư huyện ủy, phó chủ tịch huyện, trưởng ban tổ chức huyện, phó phòng thanh tra huyện, cán bộ chi cục thuế... đều là anh em trong một gia đình. Đây chỉ là hai trong số rất nhiều trường hợp “một người làm quan cả họ được nhờ” khá phổ biến ở nơi đây.

Thứ ba, ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đến người phụ nữ

Bên cạnh văn hóa gia đình và văn hóa làng xã, một trong những ảnh hưởng rõ nhất của đạo đức Nho giáo đến vùng nông thôn hiện nay đó là tư tưởng về người phụ nữ. Mặc dù đã được đề cập trong văn hóa gia đình nhưng sự ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đến người phụ nữ ở khu vực nông thôn ngày nay vẫn cần được nghiên cứu riêng để làm rõ hơn nữa.

Các nhà Nho yêu cầu phải giáo dục người phụ nữ và bản thân người phụ nữ phải luôn luôn hoàn thiện mình theo các chuẩn mực “Tam tòng” (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng

phu, phu tử tòng tử) và “Tứ đức” (Công - Dung - Ngôn - Hạnh). Đạo đức Nho giáo ảnh hưởng tiêu cực đến người phụ nữ. Đó là tư tưởng trọng nam khinh nữ, bó buộc người phụ nữ vào những hủ tục hà khắc, khắt khe. Tuy nhiên, nếu gạt bỏ đi yếu tố tiêu cực thì yếu tố tích cực của đạo “tam tòng”, “tứ đức” sẽ giúp cho người phụ nữ ngày càng hoàn thiện đạo đức và nhân cách của mình hơn.

Nông thôn đồng bằng sông Hồng với đặc trưng là nền văn minh nông nghiệp khép kín lâu đời, là mảnh đất rất phù hợp cho Nho giáo tồn tại và phát triển. Bởi vậy, so với các vùng khác, phụ nữ ở khu vực này chịu sự ảnh hưởng của những chuẩn mực đạo đức của Nho giáo nhiều nhất. Phần lớn các gia đình ở nông thôn đồng bằng sông Hồng đều quan tâm dạy bảo con gái, cháu gái theo những chuẩn mực của Nho giáo. Trong gia đình, người con gái từ khi sinh ra đến trước khi lấy chồng luôn được cha mẹ dạy dỗ: trang phục phải gọn gàng phù hợp, nói năng phải lễ phép, ăn uống cũng phải có ý tứ, phải hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, trên kính dưới nhường với mọi người, đặc biệt là phải biết nữ công gia chánh như nấu nướng, thu dọn nhà cửa... Có như vậy thì người con gái khi đi lấy chồng mới đảm đang, tháo vát, tận tâm với chồng và gia đình nhà chồng. Cách giáo dục người phụ nữ theo những chuẩn mực của Nho giáo được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như một nguồn chảy không ngừng nên nó có ảnh hưởng rất sâu đậm đối với người phụ nữ. Với quan niệm “đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm”, người vợ là người đảm nhiệm chính những công việc cần nhiều thời gian và sự chịu khó, tỉ mỉ như: nội trợ, chăm sóc người già và dạy bảo con cái. Trong công việc nội trợ (đi chợ, nấu ăn, dọn nhà, giặt giũ), phụ nữ là người đảm nhiệm chính với tỉ lệ: vợ 77,65%, chồng 1,05% và hai vợ chồng cùng làm 21,3%. Trong các công việc dạy dỗ, chăm sóc, giáo dục con, đi học phụ huynh, chăm sóc sức khỏe cho gia đình, người vợ làm độc lập một mình cũng nhiều hơn người chồng. Ngoài ra, với quan niệm là người giữ “tay hòm chìa khóa”, phụ nữ ở đây còn đảm nhiệm chính công việc giữ ngân sách và chủ động quyết định những khoản chi tiêu cho gia đình hàng

ngày: “vợ đảm nhận 76,3%, trong khi cả hai vợ chồng cùng quản lý là 11% và người chồng quản lý ngân sách này chỉ có 4,2%” (Lê Thị Thanh Hương, 2009). Mặt khác, phần lớn lúc về già, cha mẹ đều ở gần gia đình con trai. Bởi vậy, so với các vùng khác thì ở vùng này, người con dâu, nhất là người dâu trưởng chính là người đảm nhiệm phần lớn việc chăm sóc bố mẹ chồng. Các chuẩn mực đạo đức “tam tòng”, “tứ đức” của Nho giáo có vai trò quan trọng trong việc giúp người phụ nữ hoàn thiện vai trò là người vợ, người mẹ, người con dâu trong gia đình.

Ngoài việc quan tâm, chăm sóc gia đình, người phụ nữ còn cùng với chồng tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế để tạo lập cuộc sống cho gia đình ngày càng ấm no, hạnh phúc. Ở các làng nghề truyền thống, người vợ cùng với chồng lao động duy trì và buôn bán các sản phẩm như làm lụa Vạn Phúc (Hà Nội), làm tương bần (Hung Yên), làm nón Chuông (Hà Nội), làm nghề mây tre đan Thạch Cầu (Nam Định)... Điều này đã và đang tạo thu nhập, nâng cao đời sống của các gia đình. Phụ nữ ở đây nổi tiếng nhanh nhẹn, đảm đang nên họ cũng chính là người tham gia trực tiếp vào công việc buôn bán có quy mô nhỏ ở các chợ, mang lại nguồn thu nhập cho gia đình. Nghiên cứu về việc người vợ mang lại thu nhập thường xuyên ở các khu vực trong cả nước thì ở đồng bằng sông Hồng chiếm tỉ lệ cao nhất (77,6%), sau đó đến Trung Bộ (59,5%) và Nam Bộ (46,8%) (Nguyễn Hữu Minh & Trần Thị Vân Anh, 2009). Như vậy, so với cả nước thì phụ nữ ở nông thôn đồng bằng sông Hồng được đánh giá nhanh nhẹn, đảm đang, tháo vát và tiết kiệm chi tiêu cho bản thân nhất.

Tuy nhiên, so với các vùng khác trên cả nước, phụ nữ ở nông thôn đồng bằng sông Hồng cũng chịu nhiều thiệt thòi, bất công nhất bởi tư tưởng trọng nam khinh nữ và tư tưởng gia trưởng cực đoan trong gia đình của Nho giáo để lại. Tư tưởng “xuất giá tòng phu” của Nho giáo đã làm cho một số người chồng tự cho mình có quyền dạy bảo vợ, bắt vợ phải theo mình, thậm chí họ đánh đập vợ nếu vợ không nghe theo. Một số người

chồng gia trưởng, vũ phu còn cho rằng đánh vợ cũng là một cách dạy vợ, thể hiện quyền lực của bề trên đối với bề dưới. Vì thế, trong các gia đình ở vùng này, bạo lực gia đình do người chồng gây ra chiếm 89,2%. Đây cũng là khu vực cao thứ hai ở nước ta về tình trạng bạo lực gia đình. Trong đó: bạo lực về thể xác chiếm tỉ lệ 35%, bạo lực về tình dục chiếm tỉ lệ 7%, bạo lực về tinh thần chiếm tỉ lệ 36,5%. Ở Hà Nội, tỉ lệ phụ nữ ở nông thôn bị bạo hành cao hơn thành thị (45,5% so với 38,4%) (Đặng Trường Xuân, 2013). Do tư tưởng trọng nam khinh nữ của Nho giáo đã ăn sâu vào trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây nên nhiều phụ nữ đã hình thành tâm lý tự ti an phận. Nhiều người trong số họ ngại không dám tâm sự, chia sẻ hoặc lo sợ chính quyền can thiệp vào vấn đề bị chồng bạo hành bởi họ luôn bị gông cùm trong tư tưởng “xấu chàng hổ ai”, “vạch áo cho người xem lưng”...

Mức độ ảnh hưởng của đạo đức Nho giáo đến mỗi một làng, một xã, một vùng đất sẽ đậm nhạt khác nhau do tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, nhưng tựu trung lại, chúng ta thấy rằng dù đời sống kinh tế có thay đổi thì đạo đức Nho giáo vẫn còn hiện diện và có ảnh hưởng lớn đối với người dân ở nông thôn đồng bằng sông Hồng. Sự ảnh hưởng đó thể hiện thông qua lối suy nghĩ, phong tục tập quán, cảnh vật cùng nếp sinh hoạt của người dân ở nơi đây. Sự hiện diện và ảnh hưởng của nó vẫn còn khá sâu sắc bởi vùng đất này là nơi đầu tiên Nho giáo được truyền vào Việt Nam, là nơi chứa đựng những căn nguyên cho đạo đức Nho giáo tồn tại như phương thức sản xuất nông nghiệp lúa nước lâu đời cùng cố kết cộng đồng chặt chẽ, là nơi chứa đựng nhiều nét văn hóa truyền thống của dân tộc mà Nho giáo có để dung hòa để cùng tồn tại và hơn hết đạo đức Nho giáo còn ảnh hưởng đến nơi đây bởi nguyên lý tính độc lập của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội.

Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa rằng Nho giáo không phù hợp với xã hội hiện tại. Về thực chất, nếu gạt bỏ đi tính gia trưởng, vị thứ, tư tưởng trọng nam khinh nữ... thì đạo đức Nho giáo vẫn chứa đựng rất

nhiều giá trị tốt đẹp từ hạt nhân hợp lý trong các chuẩn mực đạo đức của “tam cương, ngũ thường, tam tông, tứ đức” và tôn ti trật tự. Tất cả các chuẩn mực này giúp chúng ta xây dựng gia đình nền nếp, gia phong, làng xóm đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau và người phụ nữ ngày càng hoàn thiện mình hơn nữa. Các hạt nhân hợp lý trong đạo đức Nho giáo còn có vai trò hạn chế được những tác động của mặt trái do kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế mang lại. Đó là tính ích kỷ, chạy theo đồng tiền mà văn hóa gia đình bị băng hoại, chạy theo lối hiện đại mà các di sản văn hóa truyền thống không được coi trọng, các cá nhân suy giảm đạo đức... Trong bất kỳ xã hội nào thì gia đình, làng xã cũng cần phải có nền nếp, tôn ti trật tự; các thành viên trong gia đình, làng xã và mở rộng ra là xã hội cũng cần phải thương yêu, có trách nhiệm và đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau; các phong tục tốt đẹp như thờ cúng tổ tiên, kiến trúc cổ... cũng cần được giữ gìn để giáo dục thế hệ sau.

4. KẾT LUẬN

Là vùng đất nằm ở vị trí trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hóa, đồng thời cũng là nơi có mật độ dân cư đông đúc nhất của cả nước, nông thôn đồng bằng sông Hồng đang lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, đặc biệt là của Nho giáo. Trong đó, sự hiện diện, sự ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của đạo đức Nho giáo trên nhiều phương diện của đời sống xã hội được thể hiện khá rõ ở nơi đây. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu sâu trên các phương diện khác nhau để thấy được các giá trị tích cực và tiêu cực của đạo đức Nho giáo. Tuy nhiên, qua nghiên cứu này, chúng ta thấy để khai thác đúng giá trị của đạo đức Nho giáo, cần phải nâng cao đời sống kinh tế, nâng cao nhận thức cho con người về các giá trị còn hợp thời của đạo đức Nho giáo, đặc biệt là cải biến nội dung trong các chuẩn mực đạo đức của Nho giáo phù hợp với thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chu Hy. (1999). *Tứ Thư tập chú*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

Lê Thị Thanh Hương. (2009). *Ứng xử của người dân vùng đồng bằng sông Hồng trong gia đình*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.

Liên Châu. (2017). *Báo động mất cân bằng giới tính ở Việt Nam*. Truy cập ngày 25/05/2021, từ <https://thanhnien.vn/bao-dong-mat-can-bang-gioi-tinh-o-viet-nam-post675837.html>

Mai Huy Bích. (1989). Một đặc trưng cấu trúc và chức năng gia đình Việt Nam ở đồng bằng sông Hồng. *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, 52-53.

Ngô Đức Thịnh. (2001). *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Nguyễn Duy Hiệp. (2013). *Lạ lùng một xã đa thê ở thủ đô*. Truy cập ngày 18/06/2021, từ <https://laodong.vn/archived/la-lung-mot-xa-da-the-o-thu-do-690770.ldo>.

Nguyễn Hiến Lê & Giản Chi. (1994). *Tuân Tử*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

Nguyễn Hữu Minh & Trần Thị Vân Anh. (2009). *Nghiên cứu gia đình và giới thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.

Quỳnh Anh. (2012). *Cuộc đua ngầm của các dòng họ khuyến học*. Truy cập ngày 25/05/2021, từ <https://vietnamnet.vn/vn/thoi-su/cuoc-dua-ngam-o-cac-dong-ho-khuyen-hoc-81249.html>.

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới. (2012). *Báo cáo kết quả điều tra: Thực trạng mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trên địa bàn Hà Nội*.

Vũ Duy Mên. (2010). *Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

Vũ Khiêu. (1995). *Nho giáo và gia đình*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

Vũ Tự Lập, Đàm Trung Phùng, Ngô Đức Thịnh & Tô Ngọc Thanh. (1991). *Văn hóa gia đình và cư dân đồng bằng sông Hồng*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.